TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2018
V/v "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ánh Nhạn

2. Ông Đoàn Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 634/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh TN.

- *Bị đơn*: Anh Đinh Văn Chí T, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện P, tỉnh HG;

Tạm trú: Tổ 2, ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh TN.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-8-2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn Chí T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009. Gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới nhưng anh chị chung sống đến

nay không đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới, anh chị sống chung nhà với cha mẹ ruột chị cho đến nay. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên cải nhau, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T thường xuyên uống rượu rồi kiếm chuyện vô cớ, dùng những lời lẻ thô tục để chửi mắn chị, chị có khuyên ngăn anh Tâm nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Năm 2017, chị sang nhà người em ruột ở nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm giữa anh chị không còn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về nuôi con: Anh chị có 01 con chung tên Đỗ Tấn Đ, sinh ngày 10-02-2010, hiện cháu Đ đang sống chung với chị. Theo nguyện vọng của con, theo ai thì người đó nuôi, không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ngày cưới cha mẹ ruột anh T có cho vàng cưới gồm 01 sợi dây chuyền 02 chỉ, 01 đôi bông tai 01 chỉ đều là vàng 24 K, nhưng hiện nay không còn do anh chị đã bán lúc sinh con. Ngoài ra, anh chị chung sống không có tài sản chung nào khác nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-8-2018 và và trong quá trình xét xử qua hòa giải, bị đơn anh Đinh Văn Chí T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của N về hôn nhân là đúng nhưng theo anh thì anh chị bắt đầu chung sống từ năm 2008 và không có đăng ký kết hôn. Anh thừa nhận có uống rượu nhưng sau khi uống rượu anh không có chửi mắn chị N, anh chị có cải nhau nhưng không phải là mâu thuẫn trầm trọng. Anh chị sống ly thân từ Tết Nguyên đán năm 2018 đến nay, không phải từ năm 2017 như chị N trình bày. Nay chị N yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị N và anh, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung như chị N trình bày là đúng. Hiện cháu Đ đang sống với chị N. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị N và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị N và anh Đinh Văn Chí T là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Mặc dù chị N và anh T có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T.

[2] Về nuôi con: Anh chị có 01 người con chung là Đỗ Tấn Đ, sinh ngày 10-02-2010. Hiện cháu Đ đang sống cùng với chị Nga. Chị N đồng ý theo nguyện vọng của con, con muốn ở với ai thì người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng. Còn anh T thì yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân cháu Đ do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nghề nghiệp của chị N là công nhân, có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, theo nguyện vọng của cháu Đ là muốn được sống cùng với mẹ nên cần giao chị N được quyền nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận chị Đỗ Thị N và anh Đinh Văn Chí T là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Giao chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đỗ Tấn Đ, sinh ngày 10-02-2010. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0008042 ngày 26-7-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG